

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS-ST
Ngày: 26-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sở

Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1967; cư trú tại: Số XY Đường N, Phường N, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ tại: Số AB Đường T, Phường M, thành phố T, tỉnh Long An.

(các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ thể hiện:

Ngày 18 tháng 12 năm 2021, ông Nguyễn Văn T có vay của ông Đ số tiền 74.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 15 tháng 02 năm 2022. Trong tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 18 tháng 12 năm 2021 do ông T viết và ký tên không thể hiện lãi suất cho vay nhưng các bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 03%/tháng. Tuy nhiên, hết thời hạn thỏa thuận nhưng ông T không trả nợ cũng chưa lần nào trả tiền lãi cho ông Đ. Ông Đ đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T cố tình lẩn tránh. Do ông T vi phạm

nghĩa vụ trả nợ nên ông Đ khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền nợ vay gồm tiền gốc là 74.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16 tháng 02 năm 2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Nguyễn Văn T nhưng ông T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đồng thời ông T cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không lý do, nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa ông Nguyễn Văn Đức và ông Nguyễn Văn T có xác lập giao dịch vay tài sản theo “Giấy mượn tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2021 do ông Nguyễn Văn T viết và ký tên. Hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông T không trả số tiền gốc gồm 74.000.000 đồng và tiền lãi nên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông Đ. Căn cứ điều: 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Ông Nguyễn Minh Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Văn T là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại Phường M, thành phố T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 và 180 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét hình thức, nội dung giao dịch dân sự: Căn cứ “Giấy mượn tiền” ghi ngày 18 tháng 12 năm 2021 do ông Nguyễn Văn T viết và ký tên có nội dung: “*Tôi tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1963, có mượn của anh Đức số tiền 74.000.000đ (bảy mươi bốn triệu) đồng. Hẹn trả đúng ngày 15/2/2022*”. Từ biên nhận này xác định ông T có vay của ông Đ số tiền 74.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 18 tháng 12 năm 2021 đến ngày 15 tháng 02 năm 2022 và không thỏa thuận lãi suất. Tại thời điểm xác lập hợp đồng, ông T có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, việc vay tiền trên cơ sở tự nguyện, không trái luật và đạo đức xã hội. Như vậy, giữa ông T và ông Đ có xác lập với nhau giao dịch dân sự vay

tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi xảy ra tranh chấp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc: Ông Đ khởi kiện ông T yêu cầu thanh toán cho ông Đ số tiền nợ gốc là 74.000.000 đồng. Chứng cứ ông Đ cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là bản gốc tờ “Giấy mượn tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2021 thể hiện rõ số tiền vay, thời hạn vay, do ông T viết và ký tên. Theo giấy mượn tiền thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 15 tháng 02 năm 2022 là trả nợ. Tuy nhiên, hết thời hạn này, ông T chưa trả cho ông Đ số tiền nợ gốc 74.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Do đó, theo Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu ông T trả số tiền nợ gốc 74.000.000 đồng.

[4.2] Về yêu cầu trả tiền nợ lãi: Ông Đ yêu cầu ông T trả tiền lãi từ ngày 16 tháng 02 năm 2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng, thấy:

Như phân tích tại mục [4.1], số tiền 74.000.000 đồng là tiền nợ gốc, ông T chưa thực hiện việc trả lãi cho ông Đ nên ông Đ khởi kiện yêu cầu ông T trả lãi là có căn cứ để xem xét. Về lãi suất: ông Đ xác định lãi suất cho vay là 03%/tháng nhưng chỉ là thỏa thuận bằng lời nói mà không thể hiện trong “Giấy mượn tiền”. Do ông T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không xác định được việc vay tiền là có lãi suất hay không và mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận là bao nhiêu? Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 4 Điều 466 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi, cụ thể:

Tiền lãi: $74.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} 10 \text{ ngày}$ (Từ 16/02/2022 đến 26/8/2022) = 3.910.407 đồng.

Từ những phân tích tại mục [4.1] và [4.2], Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền nợ gốc là 74.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 3.910.407 đồng, tổng cộng là 77.910.407 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí 05% trên giá trị tài sản phải trả cho nguyên đơn là 3.895.520 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T: tổng cộng là 3.300.000 đồng, nguyên đơn phải chịu (đã nộp và chi phí xong).

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Văn T.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Minh Đ số tiền nợ gốc là 74.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 3.910.407 đồng, tổng cộng là 77.910.407 đồng (bảy mươi bảy triệu, chín trăm mười nghìn, bốn trăm lẻ bảy) đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Văn T phải chịu 3.895.520 (ba triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm hai mươi) đồng.

3.2. Ông Nguyễn Minh Đ không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí 1.881.000 (một triệu tám trăm tám mươi một nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001636 ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T: tổng cộng là 3.300.000 đồng, nguyên đơn phải chịu (đã nộp và chi phí xong).

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Toàn Vẹn